

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 3 - 2023

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà L Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 903/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXX-ST ngày 10/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị Xuân L, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Cao Thị Xuân L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ. Lý do bà nộp đơn ly hôn là do ông T ăn chơi, cờ bạc, không lo làm ăn, không chăm lo gia đình, vợ con; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông bà đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy không thể chung sống cùng nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Cao Quế Tr, sinh ngày 20/9/2006 và Nguyễn Cao Cẩm T, sinh ngày 21/6/2012. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Cao Thị Xuân L nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 02/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ phần trình bày của bà L về mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn, hiện không còn sống chung, không quan tâm lo lắng cho nhau, bà L vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà L.

Qua đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị Xuân L.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Cao Quế Tr, sinh ngày 20/9/2006 và Nguyễn Cao Cẩm T, sinh ngày 21/6/2012. Bà L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con chung.

Xét thấy, bà L hiện đang nuôi dưỡng cháu Tr và cháu T, trên 07 tuổi; các cháu đều có nguyện vọng sống cùng mẹ. Ông T vắng mặt, không có ý kiến trình bày về con chung và không tranh chấp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L trình bày không có; không yêu cầu giải quyết. Ông T vắng mặt không có ý kiến trình bày về tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà L trình bày không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết. Ông T vắng mặt không có ý kiến trình bày về nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Trường hợp, sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản chung và nợ chung được quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Cao Thị Xuân L đối với ông Nguyễn Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Xuân L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà Cao Thị Xuân L được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Cao Quế Tr, sinh ngày 20/9/2006 và Nguyễn Cao Cẩm T, sinh ngày 21/6/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Bà L trình bày không có; không yêu cầu giải quyết. Ông T vắng mặt không có ý kiến trình bày về tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà L trình bày không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết. Ông T vắng mặt không có ý kiến trình bày về nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Cao Thị Xuân L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000115 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà L đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Bà Cao Thị Xuân L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện Đ (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tho

